

BẠCH VÂN ĐIỀU

PHẦN I. NGUYÊN TÁC

Cõi trời khép đóng chưa mở mang
Sinh ra thánh nhân nhường tịch mịch
Mở trời khánh Lỗ đánh đưng vang
Chín vạn bằng bay chưa giáng lịch.

Lòng thu lả tả áng Bạch Vân
Quốc dân muôn đời người bí mật
Đã (Giã?) triều đưng cục trong mộng trần
Để lại tàng cơ làm pháp vật.

Lòng kinh thừa thãi am muôn nhàn
Gặp hội ngàn năm thường để bỏ
Cổ kim ai đã biết nghe đàn
Vân nhưng tai ngóng niềm quan lữ

Thiên dân giếng mỗi cục hoàng hoàng
Ẩn phong nhã nắm quyền giáo lệnh
Bia xưa cây cũ dấu tuy mang
Chẳng phụ muôn đời âu có mệnh.

PHẦN II. CHÚ GIẢI

A. Giải Nghĩa Những Câu Chữ Khó

Bạch Vân điều: Bạch vân = mây trắng. Ở đây nói về tên hiệu cụ Trạng trình tức Nguyễn Bình Khiêm tự là Bạch Vân cư sĩ. Cụ ẩn trong một ngôi chùa nhỏ ở trên núi, tên chùa gọi là Bạch Vân am. Bạch Vân điều là bài điều văn, tác giả gửi thương nhớ về Bạch Vân Cư sĩ.

Cõi trời: Khoảng không gian, miền thượng giới.

Khép đóng chưa mở mang: Lúc còn ở trong trạng thái hỗn mang, chưa phân định âm dương nên chưa mở mang. Nói chung là lúc cõi trời chỉ là con số không lớn.

Tịch mịch: yên lặng, bất động.

Mở trời, khánh Lỗ: Tượng trưng đạo Nho do Khổng Tử phát huy đưng lúc mạnh.

Mộc đạc: Nghĩa đen là cái mỗ gỗ. Nói Khổng Tử làm mỗ trời là nói Khổng Tử trao truyền đạo Nho "Hình nhi thượng học" là quan điểm nhận thức về trời "Thiên tương dữ Phu Tử vi mộc đạc" (Trời sắp cho Phu Tử làm mỗ trời - Luận Ngữ, Bát Ruật).

Chín vạn bằng bay: Do chữ "Bằng đoàn cứu vạn lý", chim bằng bay trên chín vạn dặm, ý nói: Chí lớn còn đương giữ nơi chín tầng mây cao.
Chưa giáng lịch: Chưa lên ngôi báu để mở ra kỷ nguyên đầu.

Lòng thu: Lòng trời thu, tức là cảnh thu nơi am Bạch Vân. Thu còn có nghĩa là tàng ẩn. Đồng nghĩa với câu: "Trăng thu chìm đáy nước...."

Dã hay Giã: Dã là ngoài đồng nội; Giã là giã từ tức là bỏ quan về ẩn, ý này đúng hơn.

Tàng cơ: Giữ gìn cái thiên cơ bí mật.

Pháp vật: như pháp của nhà Phật. Ở đây là những lời sấm.

Lòng Kinh : Lòng chứa kinh, xếp kệ còn thừa thãi, giữ lúc ở am vắng có vẻ muôn phần nhàn rỗi.

Vân nhưng: Con cháu về sau. Có nhiều bản đánh máy thêm vào những dấu "ngã thành ra "vẫn những" là sai. Nhìn lại những minh chứng. " Khổng Tử gia ngữ: " "Vân nhưng ký tập" (Con cháu đã tập hợp). Bia đá phả ký gia đình họ Nguyễn ở xã Cổ Loa có ghi: "... Liệt vu gia phả dĩ thị cứu viễn - Tỷ hậu thế vân nhưng phi nhi lẫm chi..." (liệt kê vào gia phả để bảo về lâu về dài khiến cho con cháu đời sau mở ra mà xem..."

Quan lữ: Quan + quan hệ; ràng buộc. Lữ = mối tơ. Ở đây niềm quan lữ là niềm suy tư về mối liên quan giữa vũ trụ - nhân sinh vạn vật.

Thiên: vũ trụ; *Dân*: dân sinh; *Cực*: rất ráo, hoàng hoàng, rất lớn lao, cao cả. Ý nói mối quan hệ giữa vũ trụ với dân sinh là một giếng mối rất hệ trọng lớn lao.

Ẩn phong nhĩ: Ẩn là ẩn dật; Phong là thiên "Quốc Phong", Nhĩ là thiên "Nhĩ tụng" trong kinh Thi; nói về tập tục và cách cai trị cho an định.

Nắm quyền giáo lệnh: Dạy bảo cho đời hay về mối quan hệ: Thiên sinh vạn vật, v.v...

Bia xưa: Bia ghi lời sấm như bia: “Minh mệnh thập tứ, thẳng Trứ phá đền, v.v....

Cây cũ: cây xà nhà rớt “Ngũ cửu nhi thượng lương chi ách”, v.v....

B. ĐẠI Ý TỔNG QUÁT

Đại ý trong bài ai điếu, tác giả tỏ tình thương tiếc đến: Một thiên tài siêu việt, một con người cao khiết, một bậc tiên tri. Một nhà ẩn dật, nắm quyền giáo lệnh cho muôn đời.

C. GIẢI NGHĨA CHI TIẾT

Trên cõi đời huyền bí chưa được khám phá, lúc ấy có vị thánh nhân ra đời nhưng tầm hơi dường như còn im lặng. Mặc dầu tiếng mõ trời, tiếng khánh Lỗ đã khu vang mọi nơi thế mà chí lớn của bậc thánh nhân kia như cánh bằng tung gió còn vẫy vùng trên chín vạn tầng mây xanh, chưa đăng quang ngôi báu để mở ra kỷ nguyên đầu.

Giữa lòng trời thu rải rác đôi ba bóng mây trắng vương quanh khu đồi vắng có nóc am nhỏ, khiến quang cảnh vốn đã tịch mịch càng trở nên thâm u, huyền ảo thêm. Trong am có người ẩn dật. Một người bí mật của muôn đời. Người đó thông suốt các lẽ trên dưới, trước sau. Coi sự thế chẳng qua là một giấc mộng lớn ở cõi trần gian mà thôi. Bỏ quan nhà Mạc về ẩn dật đem cái thiên cơ làm pháp vật về sau.

Một lòng chứa kinh xếp kệ vẫn còn có chỗ thừa thãi, và lại thời gian ở nơi am vắng này kể ra vẫn còn muôn phần nhàn hạ, cái cơ hội ngàn năm ấy để gì bỏ qua. Nhưng mà xưa nay ai là kẻ biết nghe đàn? Tuy nhiên những con cháu thế hệ mai sau (vân nhưng) phải chú tâm để tai mắt nghe ngóng, tìm hiểu những đường dây mối nhợ quan hệ ra sao (quan lữ) xảy ra như thế nào, đó là điều quan trọng.

Mối quan hệ giữa vũ trụ với dân sinh là một giây mối rất hệ trọng. Một nhà ẩn dật lại nắm cái quyền giáo lệnh dạy bảo cho đời hay về mối quan hệ đó. Thí dụ: những điều ghi trước trong tấm bia xưa để sau đã nghiệm. Cũng như cây cũ trên nóc nhà rớt xuống... Những hiệu nghiệm đó thật chẳng phụ lòng mong ngóng của muôn đời sau. Ấu cũng là sứ mệnh mà bậc tiên tri của thời đại đã hoàn thành đối với đời sau.

D. BÌNH LUẬN

Bạch vân điếu là một áng thơ đúc nên bởi dòng cảm xúc của tác giả vừa tiếc thương vừa khâm phục một thiên tài trầm lặng; một tư cách thanh cao, một

trí huệ viên giác của bậc tiên tri nắm quyền giáo lệnh bằng tư cách phong nhã mà an bang. Bởi thế có lúc tác giả đã phong cho cụ trong chức "tể tướng". Tuy tể tướng không ngôi, nhưng đưa ra một lời như: "Cao Bằng tuy nhỏ đủ để làm vua" thế là điều ngay họ Mạc lên đó cho ên. Khi Trịnh Kiểm toan giết vua Lê, ông chỉ bảo con cháu trong nhà: "Năm nay mất mùa, thóc giống hư, chúng bay phải tìm giống cũ mà gieo". Ông lại đến chùa bảo với nhà sư rằng: "Giữ chùa thờ Phật thì ăn oản" thế là ngăn ngay được hành động phản nghịch của họ Trịnh. Ông cũng bảo cho họ Nguyễn về đường "Hoành sơn nhất đái" thế là đầu yên đấy, để tránh được biết bao nhiêu xương máu, nôi da xáo thịt. Mà ngài tể tướng thì vẫn ung dung phất trần cỡi gió trên am Bạch Vân. Thơ Bạch Vân Điếu, tứ vút lên cao, tình lắng đậm đà, dặt gấm nên chương, phổ nên điệp khúc hoài ca linh nhạc cũng là do cái tâm tư đồng điệu nên mới có sự nhịp nhàng cảm thông sau trước vậy.